

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2021.

V/v tranh chấp về ly hôn và
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh;

2. Bà Trần Ánh Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Hùng A, sinh năm: 1981.

Địa chỉ cư trú: Khu phố L, phường L1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị B, sinh năm: 1981.

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Đ, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Hùng A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B có quen biết, tìm hiểu nhau và chung sống với nhau vào đầu năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 05-8-2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. A và chị B sống ly thân từ khoảng năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai anh chị cũng không hòa giải, hàn gắn gia đình được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên anh yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị B.

Về con chung: Anh và chị B có 02 người con chung tên Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 12/7/2002 và Lê Văn K, sinh ngày 17/7/2008. Nay ly hôn, đối với cháu Lê Thị Huỳnh N đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Lê Văn K anh tôn trọng nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Đối với bị đơn – Chị Võ Thị B:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng chị B không đến để trình bày theo yêu cầu của Tòa án cũng như không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử mặc dù qua xác minh, chính quyền địa phương cung cấp chị B vẫn còn hộ khẩu ở địa phương, vẫn thường xuyên đi về nhà và biết sự việc này nhưng chị cố tình vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Hùng A có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Võ Thị B đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A, chị B là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hùng A, cho anh A được ly hôn với chị Võ Thị B. Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao cháu Lê Văn K, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2008 cho anh A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi

con. Đối với cháu Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 12/7/2002, đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung: Anh Lê Hùng A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Anh Lê Hùng A trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 anh A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Hùng A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Võ Thị B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A, chị B theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị B trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 05-8-2002 nên hôn nhân của anh A và chị B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện anh A trình bày mâu thuẫn phát sinh là do trong quá trình chung sống thường xuyên gây gổ nhau do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặt khác, chị B không chấp hành theo giấy triệu tập của tòa án, cố tình vắng mặt không đến, điều đó chứng tỏ chị không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh Lê Hùng A. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, anh A được ly hôn với chị B là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Lê Hùng A và chị Võ Thị B có 02 người con chung tên Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 12/7/2002 và Lê Văn K, sinh ngày 17/7/2008. Hiện tại con chung đang sống chung với anh Hùng A. Khi ly hôn, đối với cháu Lê Thị Huỳnh N đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng, đối với cháu Lê Văn K anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu K đang sống chung với anh Hùng A, từ ngày ly thân cho đến nay anh Hùng A đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con chung. Mặt khác, cháu K đã trên 7 tuổi, qua làm việc cháu có nguyện vọng muốn được sống chung với anh Hùng A. Do vậy, cần giao cháu K cho anh A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, anh Hùng A không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung do vậy nên ghi nhận.

Chị Võ Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh Lê Hùng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Lê Hùng A trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Lê Hùng A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Hùng A với chị Võ Thị B.

Anh Lê Hùng A được ly hôn với chị Võ Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn K, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2008 cho anh Lê Hùng A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Hùng A không yêu cầu. Cháu Lê Thị Huỳnh N, sinh ngày 12/7/2002 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh thống nhất không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Võ Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Hùng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Lê Hùng A trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Anh Lê Hùng A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012984 ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Lê Hùng A đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Chị Võ Thị B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh A, chị B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THA Gò Dầu;
- UBND phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

